

DI DÂN NÔNG THÔN VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH Ở NÔNG THÔN

ĐINH QUANG HÀ *

1. Tiếp cận nghiên cứu từ góc độ lý thuyết

Di dân là một hiện tượng kinh tế - xã hội gắn liền với lịch sử phát triển của xã hội loài người cùng với những thay đổi của tự nhiên, xã hội và sự phát triển không đồng đều về kinh tế - xã hội giữa các vùng, các quốc gia trên thế giới. Do vậy, khi nghiên cứu về di dân cần phải dựa trên những cơ sở lý thuyết khoa học, đúng đắn thì mới có thể thấy được những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của quá trình này.

Lý thuyết lực hút - lực đẩy

Tiêu biểu cho lý thuyết lực hút và lực đẩy là: Pipton (1976). Khi nghiên cứu những người di dân từ nông thôn ra đô thị đã chia họ ra làm hai nhóm chính. Nhóm thứ nhất là, những người nghèo khổ thiếu ruộng đất, ít học hành bị tác động của “lực đẩy” ra khỏi vùng, đến các đô thị hoặc đến các vùng khác kiếm kế sinh nhai. Nhóm thứ hai là, những người tương đối khá giả có học vấn thường bị tác động của “lực hút” từ các vùng đô thị hoặc các vùng có điều kiện phát triển kinh tế lôi cuốn¹.

Lực đẩy, là những yếu tố, điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa... ở vùng xuất phát (vùng xuất cư) đang gây ra nhiều khó khăn cho người dân ở đây. Đó là sự không đáp ứng được các nhu cầu sinh sống về vật chất,

* ThS. Học viện Cảnh sát nhân dân

¹ Hoàng Văn Chức (2004): *Di dân tự do đến Hà Nội - thực trạng và giải pháp quản lý*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.12 - 13.

tinh thần, về việc làm, sự khan hiếm về đất canh tác, tiền công ít... khiến họ phải ra đi tìm kiếm một vùng đất mới đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của họ.

Lực hút, là những điều kiện, yếu tố thuận lợi về tự nhiên, kinh tế - xã hội, chính trị, văn hoá ở nơi đến (vùng nhập cư) đã cuốn hút người di dân ở nơi khác di chuyển đến làm ăn sinh sống. Lực hút thường là khả năng có được việc làm, thu nhập cao, thuận tiện trong sản xuất kinh doanh... và các điều kiện về giáo dục đào tạo, y tế, hệ thống dịch vụ xã hội tốt hơn.

Như vậy, lý thuyết lực hút - lực đẩy chỉ có ý nghĩa liệt kê các nhân tố tác động đến quá trình di dân, không giải thích được tại sao trong cùng một hoàn cảnh lại có một số người di chuyển, một số người khác lại không di chuyển và các yếu tố nào quyết định sự di dân. Tuy nhiên cần phải nhấn mạnh rằng, thực chất di dân là một vấn đề xã hội phức tạp, đối tượng tham gia di dân rất đa dạng. Việc di chuyển ngoài các động cơ cá nhân còn liên quan đến rất nhiều các yếu tố khác như: tình trạng hôn nhân, thay đổi nghề nghiệp, việc làm, lứa tuổi, giới tính, trình độ học vấn, tôn giáo và các mối quan hệ trong gia đình cũng như các mối quan hệ cá nhân với cộng đồng dân cư mà họ sẽ chuyển đến.

Lý thuyết mạng lưới xã hội

Những nghiên cứu về di cư trên thế giới gần đây ngày càng quan tâm đến ảnh hưởng của các yếu tố văn hoá - xã hội đối với di cư. Trong các yếu tố đó, mạng lưới xã hội đã được xem như một nhân tố quan trọng quyết định toàn bộ quá trình chuyển cư. Khái niệm mạng lưới xã hội trên thực tế được ứng dụng rộng rãi trong nhiều nghiên cứu và trở thành một khái niệm cơ bản trong các lý thuyết đương đại về di cư, kể cả di cư trong nước lẫn di cư quốc tế².

Trên bình diện xã hội học, khái niệm mạng lưới xã hội dựa trên cơ sở lý thuyết hệ thống và tương tác xã hội. Mạng lưới xã hội là một tập hợp liên kết giữa các cá nhân hay các nhóm dân cư nhất định³. Đặc trưng rõ nét nhất của mạng lưới xã hội phục vụ cho mục đích di dân là sự liên kết xã hội giữa những người di chuyển. Thông qua quan hệ họ hàng, bạn bè, người thân, những người di chuyển có thể tiếp nhận các thông tin và sự trợ giúp cần thiết tại nơi mà họ sẽ chuyển đến. Chính ở đây các quan hệ lâu bền dựa trên nền tảng gia đình trở nên hết sức quan trọng, sự gắn kết chặt chẽ với nhau giữa người di chuyển với người ở nơi đến, tạo nên những liên kết thông qua gia đình, thân tộc tin cậy hơn nhiều so với những quan hệ với người ngoài.

Mạng lưới xã hội có ý nghĩa quan trọng trong việc giải thích các loại hình di dân, quá trình định cư và thích ứng của người di chuyển cũng như ý định chuyển cư trong tương lai. Bởi di dân vốn là một quá trình có nhiều yếu tố bất

² Massey, D. J. Arango, G. Hugo, Ali Kouaouci, A. Pellegrino, J. E. Taylor (1993): *Theories of international migration: A review and appraisal population and development review* 19(3), tr. 431 - 464.

³ Đặng Nguyên Anh (1998): *Vai trò của mạng lưới xã hội trong quá trình di cư*, Tạp chí Xã hội học, tr. 16.

trắc, một mạng lưới xã hội tin cậy sẽ góp phần làm giảm thấp những rủi ro do thiếu thông tin. Các liên kết xã hội giữa nơi xuất cư và nơi nhập cư, sẽ làm giảm cái giá phải trả cho quá trình di dân, đồng thời làm tăng cơ hội thành công của đối tượng di chuyển tại nơi chuyển đến. Gia đình, bạn bè, người thân tại nơi chuyển đến thường giữ vai trò cuu mang, tư vấn, cung cấp thông tin, giúp liên hệ việc làm cũng như vượt qua khó khăn ban đầu.

2. Vai trò của di dân đối với sự phát triển kinh tế hộ gia đình ở nông thôn

Sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế cùng với quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá cũng như sức ép về dân số, việc làm, đất đai, nghề nghiệp... nhất là ở các vùng nông thôn Đồng bằng sông Hồng “*đất chật, người đông*”, tính bình quân đầu người chỉ có 600 m² đất canh tác, nên hàng năm quỹ thời gian lao động còn dư thừa tới 30 - 40%, nhiều địa phương tỷ lệ này lên tới hơn 50%⁴. Dân số ngày càng tăng, trong khi đất canh tác có hạn, nền kinh tế hàng hoá chưa phát triển, tất yếu dẫn đến hiện tượng, một bộ phận dân cư có sức khoẻ tìm kiếm việc làm, tăng thu nhập ở nơi khác bằng cách di cư vào các đô thị lớn như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vũng Tàu... Ở Hà Nội những năm gần đây, mỗi năm có trên 3 vạn người lao động từ nông thôn đổ vào, còn ở thành phố Hồ Chí Minh con số đó gấp đôi.

Theo thống kê của các nhà kinh tế, nước ta hiện nay chỉ có 7 triệu ha diện tích đất canh tác, tương đương nhu cầu tối đa cần có 19 triệu lao động. So với thực tế 25,6 triệu lao động đang sống trong khu vực nông nghiệp, còn dư 6,6 triệu. Trong khi mỗi năm chúng ta chỉ có thể tạo ra việc làm cho khoảng 800 nghìn lao động, thì mỗi năm lực lượng lao động trẻ bước vào độ tuổi lao động là 1 triệu. Mặt khác, sự khác biệt về thu nhập giữa các vùng, đặc biệt là giữa thành thị và nông thôn, cũng là một yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình di dân. Trong khi đó, các đô thị lớn như Hà Nội luôn có mức thu nhập cao hơn so với các tỉnh thành phố khác trong cả nước. Năm 2000, GDP bình quân đầu người của Hà Nội đạt 990 USD và mức phân đầu năm 2010 là 2300 USD⁵.

Làm giàu từ nông nghiệp, đi lên từ ruộng vườn, từ lâu đã là một bài toán khó cho người nông dân. Quá khó đến gần như nan giải! Thoát ly khỏi ruộng đồng, đi tìm kế sinh nhai không phải là hiện tượng mới đối với nông thôn Việt Nam. Song trong 5 - 10 năm trở lại đây, cơ chế thị trường, di cư đã diễn ra với quy mô rộng lớn, với điều kiện và bản chất khác trước, trở thành một yếu tố không thể không xem xét trong việc tìm kiếm lời giải đối với sự nghiệp phát triển nông thôn

⁴ Nghiêm Xuân Đạt, Vũ Trọng Lâm, Nguyễn Quý Nghị (2001), *Di dân tự phát vào Hà Nội - thực trạng và giải pháp*, Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*, tr. 44.

⁵ Nghiêm Xuân Đạt, Vũ Trọng Lâm, Nguyễn Quý Nghị (2001): *Di dân tự phát vào Hà Nội - thực trạng và giải pháp*, Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*, tr. 44.

từ truyền thống lên hiện đại⁶. Những gia đình có người đi ra các thành phố, đô thị làm việc không phải là hộ có mức sống thấp. Không ít gia đình có điều kiện kinh tế khá, nhưng họ lại mong muốn có cuộc sống khá hơn và chính những người này thường là những ứng cử viên đầu tiên ra thành phố làm việc. Trong thực tế, những người di dân từ nông thôn ra đô thị ít rơi vào những nhóm đối tượng mù chữ, thất học ở nông thôn. Người di dân từ nông thôn ra đô thị, đều có trình độ học vấn tương đối cao hơn so với người ở lại.

Mạng lưới xã hội phục vụ cho mục đích di dân, gọi là mạng lưới di dân có vai trò quan trọng trong quá trình di dân như: cung cấp những thông tin về cơ hội việc làm, nơi ở trọ, điều kiện sinh hoạt, các dịch vụ xã hội khác... Hơn nữa, sự có mặt của anh chị em họ hàng, bạn bè, người thân tại nơi đến còn làm tăng khả năng hoà nhập, thích ứng của người di dân và thông qua mạng lưới quan hệ xã hội này người di dân nhận được nhiều sự giúp đỡ từ phía họ. Như vậy, vai trò tích cực của mạng lưới xã hội là động lực thúc đẩy dòng di dân. Nếu như yếu tố kinh tế là động lực chủ yếu thúc đẩy di dân thì mạng lưới xã hội là yếu tố quyết định nơi chuyển đến, góp phần thúc đẩy sự hội nhập của người di dân trên địa bàn nhập cư. Sự có mặt của anh chị em họ hàng, bạn bè tại nơi đến, đã giúp người di dân có khả năng thích ứng và hoà nhập với môi trường làm việc mới. Trong các thông tin mà người di dân mong đợi ở người thân giúp đỡ họ, thì những cơ hội có được việc làm ở đô thị đáng được quan tâm nhất chiếm tới 50%, giúp đỡ để có chỗ ăn ở 33%, giúp đỡ về kinh tế trong thời gian đầu ra đô thị làm việc chiếm 38,4% và cung cấp thông tin 47,6%⁷. Điều đó cho thấy không thể phủ nhận vai trò quan trọng của mạng lưới xã hội trong quá trình di dân. Những nghiên cứu gần đây cho thấy người di dân từ nông thôn ra đô thị nắm bắt trước được những thông tin cần thiết ngoài đô thị dựa vào mạng lưới xã hội. Có 59,4% người di dân biết trước về công việc làm ngoài đô thị, điều này thể hiện sự tích cực của người di dân trong việc tìm kiếm các nguồn thông tin phục vụ cho mục đích di chuyển; 51,6% biết được những thông tin về giá cả sinh hoạt tại nơi đến; 35% người di dân quan tâm và biết thông tin về giá cả sinh hoạt ở đô thị, những thông tin về thị trường giá cả này có ý nghĩa quan trọng trong việc buôn bán, kinh doanh nhỏ của người di dân; 29,5% người di dân biết trước về nơi ăn chốn ở khi làm việc ở đô thị, 10,2% biết trước về dịch vụ y tế⁸.

Mối liên hệ giữa người di dân với gia đình họ ở quê hương rất chặt chẽ và nó phủ nhận luận điểm "*di dân là sự thoát ly khỏi gia đình, khỏi địa phương*".

⁶ Đặng Nguyên Anh (2003): *Di dân ở Việt Nam: kiếm tìm lời giải cho phát triển nông thôn*, Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*, tr. 63.

⁷ Lê Văn Toàn (2001): *Di dân tạm thời nông thôn – đô thị và vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế hộ gia đình người di dân*, Đề tài cấp bộ, mã số XH2B -26, Hà Nội.

⁸ Lê Văn Toàn (2001): *Di dân tạm thời nông thôn – đô thị và vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế hộ gia đình người di dân*, Đề tài cấp bộ, mã số XH2B -26, Hà Nội, tr.35

Ngược lại, di dân vừa là phương thức để người di dân tạo nguồn thu nhập cho gia đình vừa là bài toán để giải quyết lực lượng lao động thiếu việc làm của các hộ gia đình ở nông thôn. Bên cạnh lợi ích kinh tế, quá trình di dân từ nông thôn ra đô thị giúp cho người di dân có sự chuyển biến nhanh trong nhận thức và hành động, họ tiếp thu được những tri thức mới, gắn liền với cuộc sống văn minh của thành phố về với nông thôn. Điều có ý nghĩa hơn là, trong quá trình làm việc ở đô thị, họ còn tích lũy được ý thức làm giàu cùng với các thang giá trị mới của lối sống, sinh hoạt mà có thể trước đó chưa từng tồn tại ở làng quê. Tất cả đã tạo nên một khởi sắc mới trong cuộc sống, ở những làng quê có nhiều người di dân ra thành phố.

Di dân nói chung và di dân từ nông thôn ra đô thị nói riêng là một quá trình chọn lọc tự nhiên. Đa số người di dân tìm đến các đô thị, thành phố lớn đều thuộc nhóm dưới 40 tuổi. Không ít người di dân đang ở vào độ tuổi lao động sung sức nhất từ 25 - 40 tuổi (chiếm 60,8%). Sự hấp dẫn của công việc, cuộc sống thành thị và tâm lý muốn thoát khỏi nghề nông chân lấm, tay bùn; thu nhập thấp đã làm cho hầu hết người trong độ tuổi lao động tìm ra đô thị làm việc. Như vậy, phải chăng di dân từ nông thôn ra đô thị sẽ làm cạn kiệt lực lượng lao động trẻ khỏe, tương đối có trình độ ở nông thôn hiện nay? Nếu vậy thì hiện tượng rời bỏ làng quê ồ ạt kéo nhau ra thành phố tìm kiếm việc làm hiện nay phải chăng sẽ góp phần làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo đói, kém phát triển ở nông thôn?. Trên thực tế thì hoàn toàn ngược lại, di dân từ nông thôn ra đô thị đã tạo ra động lực giúp các hộ gia đình ở nông thôn phát triển kinh tế.

Di dân là một chiến lược sinh kế cho đa số hộ gia đình nông thôn. Việc tìm hiểu chiến lược sống của nông hộ và nắm bắt cơ hội làm ăn trong bối cảnh kinh tế thị trường và quy định chính sách của Chính phủ là rất quan trọng. Những quyết định di chuyển không đơn giản chỉ xuất phát từ mục đích và nhu cầu của cá nhân người di cư mà còn là quyết định của cả gia đình nhằm có được nguồn thu nhập ổn định và giảm thiểu nhiều nhất các rủi ro cho gia đình. Các hộ gia đình ở nông thôn, thường phân công lao động trên nhiều địa bàn khác nhau nhằm giảm thiểu rủi ro. Nguồn sinh kế là nhiều chiều và đa dạng, thông qua di dân, các thành viên trong hộ cùng nhau đóng góp và chia sẻ thu nhập chung. Theo phương thức đó, tiền do các thành viên đi làm ăn xa gửi về không phải là một kết quả ngẫu nhiên do mỗi thành viên thực hiện mà là một bộ phận hợp thành trong chiến lược sống của các nông hộ nghèo⁹.

Mục đích cơ bản nhất của người di dân khi ra đô thị làm việc là để nâng cao thu nhập cho gia đình chiếm 85,8%; để học nghề chiếm 5,9%; để nuôi sống

⁹ Đặng Nguyên Anh (2005), *Di dân trong nước: vận hội và thách thức đối với công cuộc đổi mới và phát triển ở Việt Nam*, Hà Nội, tr. 18 - 19.

bản thân 35%; và để trả học phí cho con chiếm 5,9%¹⁰. Như vậy, việc hình thành quyết định di chuyển có sự tác động của nhiều động cơ khác nhau. Nhưng những khó khăn về kinh tế là động lực chính buộc phần lớn người dân ở nông thôn tìm ra đô thị làm việc. Điều đó cho thấy, việc ra đô thị làm việc vì hoàn cảnh gia đình, vì sự sống của gia đình nhiều hơn là vì bản thân họ.

Trong quá trình ra đô thị làm việc, người di dân có thể di chuyển với nhiều hình thức khác nhau. Họ có thể đi một mình hoặc có thể đi cùng bạn bè, họ hàng, người thân trong gia đình. Có 23,2% người di dân ra đô thị làm việc cùng người nhà; 13,8% cùng những người thân trong dòng họ và có tới 40,2% người di dân đi cùng những người bạn bè cùng làng, xã¹¹. Điều này phản ánh tính cấu kết cộng đồng cao của những người di dân. Hình thức di chuyển theo nhóm là cơ sở tạo cho người di dân có được tâm lý an toàn khi di chuyển. Người di dân ra đô thị làm việc chủ yếu ở các ngành nghề phi nông nghiệp như: buôn bán, kinh doanh nhỏ chiếm 48,9%; làm các dịch vụ tại đô thị chiếm 45,3%. Nam giới thường tham gia vào các việc đòi hỏi sức khỏe nhiều hơn: thợ xây dựng (17,3%); công nhân làm việc tại các nhà máy điện nước hay các công ty (8,35%) và một số nghề như lái xe ôm, cửu vận... còn nữ giới làm các công việc nhẹ nhàng hơn: bán rượu, xôi, bánh (20,1%), buôn bán gia cầm, hoa quả, làm thợ may, thợ gội đầu, trang điểm¹²... Như vậy, nghề nghiệp của người di dân ở đô thị đa dạng, phong phú về chủng loại. Khi so sánh điều kiện làm việc của người di dân ở đô thị so với ở quê, đã có tới 68% người di dân cho rằng điều kiện làm việc ở đô thị tốt hơn ở quê¹³, điều này đã chứng tỏ sự hấp dẫn và sức hút lớn từ đô thị đối với người di dân. Chính điều đó đã tạo điều kiện cho dòng di dân từ các vùng nông thôn ra đô thị tìm kiếm việc làm có xu hướng ngày càng tăng.

Người di dân tham gia làm việc trong nhiều ngành nghề khác nhau ở đô thị “*công việc tuy nặng nhọc cực khổ nhưng kiếm được tiền*”, đó là nhận định và tâm lý chung của người di dân. Đúng vậy, so với thu nhập từ nông nghiệp thì khoản tiền người di dân dành dụm được hàng tháng quả là không nhỏ. Tính bình quân mỗi người di dân thu nhập 697.874đ/tháng¹⁴. Nó lớn hơn rất nhiều so với số liệu dự án VIE/93/P02 do Viện Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh khảo

¹⁰ Lê Văn Toàn (2001): *Di dân tạm thời nông thôn – đô thị và vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế hộ gia đình người di dân*, Đề tài cấp bộ, mã số XH2B -26, Hà Nội, tr.35

¹¹ Lê Văn Toàn (2001): *Di dân tạm thời nông thôn – đô thị và vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế hộ gia đình người di dân*, Đề tài cấp bộ, mã số XH2B -26, Hà Nội, tr.46

¹² Lê Văn Toàn (2001): *Di dân tạm thời nông thôn – đô thị và vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế hộ gia đình người di dân*, Đề tài cấp bộ, mã số XH2B -26, Hà Nội, tr.50

¹³ Lê Văn Toàn (2001): *Di dân tạm thời nông thôn – đô thị và vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế hộ gia đình người di dân*, Đề tài cấp bộ, mã số XH2B -26, Hà Nội, tr.51

¹⁴ Lê Văn Toàn (2001): *Di dân tạm thời nông thôn – đô thị và vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế hộ gia đình người di dân*, Đề tài cấp bộ, mã số XH2B -26, Hà Nội, tr.53

sát năm 1994 về lao động ngoại tỉnh cho thấy số tiền trung bình của người di dân gửi về cho gia đình là 77.600đ/tháng. Kết quả khảo sát của dự án “di dân và sức khỏe”, do Viện Xã hội học triển khai ở 6 tỉnh - thành, thì trung bình số tiền gửi về cho gia đình của một người di dân là 94.000đ/tháng. Kết quả khảo sát về lao động thời vụ ở Hà Nội năm 1995, thì mỗi tháng họ gửi về cho gia đình ít nhất 200.000đ. Như vậy, rõ ràng khoản tiền đóng góp của người di dân là không nhỏ so với mức thu nhập từ đồng ruộng, nó là phần đóng góp quan trọng cho ngân sách gia đình. Nó còn hiệu quả hơn đối với các hộ gia đình nông thôn khi họ dành số tiền đó đầu tư cho sản xuất. Họ tự tổ chức sản xuất: đầu tư cho trồng trọt, chăn nuôi để có thu nhập thêm. Và như thế, di dân trở thành phương thức hữu hiệu để tạo lập nguồn vốn nhằm thực hiện một sự đầu tư sinh lãi và phát triển ở nông thôn.

Quá trình di dân từ nông thôn ra đô thị đã tạo điều kiện cho người di dân có cơ hội được tiếp xúc thường xuyên với xã hội đô thị và họ dần dần làm quen với lối sống của người đô thị, học hỏi được những kiến thức cần thiết phục vụ cho bản thân, cũng như sự phát triển của gia đình. Việc áp dụng những kiến thức mới, những thành quả tiên bộ của khoa học kỹ thuật vào phục vụ sản xuất không chỉ nâng cao năng suất lao động mà còn nâng cao trình độ, kỹ năng cho người nông dân, giúp họ giảm bớt thời gian lao động để có điều kiện nghỉ ngơi phục hồi sức khỏe. Có 48,9% người di dân khẳng định có thêm được nhiều kỹ năng nghề nghiệp và trở nên thành thạo, có tay nghề vững vàng; 20% người di dân học được nghề mới; 10% có thêm được kinh nghiệm về thị trường giá cả¹⁵. Sự nhạy bén trong việc tiếp nhận những thông tin, kỹ năng hay nghề mới giúp người di dân năng động, linh hoạt hơn trong tổ chức hoạt động kinh tế cho hộ gia đình, cũng như khả năng phát triển, mở mang ngành nghề mới ở nông thôn. Như vậy, những tri thức, kinh nghiệm người di dân học hỏi được không chỉ làm giàu vốn hiểu biết của bản thân mà còn được truyền tải về cho các thành viên khác trong gia đình. Thông qua việc di chuyển đó người dân được tiếp cận với môi trường mới và học hỏi được nhiều kiến thức để mở rộng sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sinh hoạt. Đây cũng là dấu hiệu bước đầu cho sự khơi dậy tính năng động, sáng tạo của người nông dân, xóa dần sức ỳ tâm lý của người dân ở nông thôn.

Di dân từ nông thôn ra đô thị còn có những tác động quan trọng, góp phần thay đổi cuộc sống gia đình ở nông thôn. Người nông dân vốn dĩ gắn bó sớm chiều với đồng ruộng, có người dường như cả đời không bước chân ra khỏi lũy tre làng, không có cơ hội tiếp cận với cuộc sống văn minh đô thị. Trong khi đó, những người di dân hàng ngày tiếp xúc với cuộc sống sinh động ở đô thị với mức sống cao, điều kiện sinh hoạt vật chất và tinh thần đầy đủ, trình độ dân trí

¹⁵ Lê Văn Toàn (2001): *Di dân tạm thời nông thôn – đô thị và vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế hộ gia đình người di dân*, Đề tài cấp bộ, mã số XH2B -26, Hà Nội, tr.42.

cao... Do đó, lối sống đô thị ít nhiều ảnh hưởng tới người di dân và chính họ sẽ là những người truyền tải những nét văn hoá: trong giao tiếp, trong sinh hoạt hàng ngày của người đô thị về nông thôn. Xét ở một khía cạnh nào đó, người di dân thông qua quá trình di chuyển đã và đang gián tiếp chuyển về nông thôn lối sống đô thị có chiều hướng tích cực, làm thay đổi diện mạo cuộc sống ở các vùng quê.

Những người di dân cho biết, họ rất quan tâm đến việc giáo dục cho con, em mình, có tới 87,8% người được hỏi trả lời họ luôn khuyến khích, động viên con học tập lên cao hơn¹⁶. Có thể họ không có đủ khả năng, trình độ cũng như thời gian trong việc kèm con học ở nhà nhưng họ luôn tạo điều kiện tối đa cho con học tập. Họ đóng góp đầy đủ các khoản tiền học ở trường và động viên các em không chỉ học chính khoá mà còn tạo điều kiện cho các em học thêm, cũng như đảm bảo cho các em có thời gian học tập ở nhà. Như vậy, di dân được nhận định với vai trò không chỉ để tồn tại mà còn là để phát triển đối với các gia đình ở nông thôn.

Di dân không chỉ để giải quyết bài toán kinh tế đặt ra đối với người ở nông thôn. Mà nó phân nào giải quyết được vấn đề “*nhu cầu*” lao động của các đô thị. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, cùng với quá trình đô thị hoá diễn ra hết sức mạnh mẽ, nhiều nhu cầu dịch vụ mới xuất hiện, có những công việc mà người đô thị thực sự có nhu cầu sử dụng lao động, nhưng lực lượng lao động đô thị không đáp ứng được hoặc không muốn làm. Trong khi đó, người lao động ngoại tỉnh, đặc biệt là số người di dân thời vụ, sẵn sàng làm tất cả các công việc nặng nhọc, độc hại..., với mục đích để có thu nhập.

Tóm lại

Di dân từ nông thôn ra đô thị trong tương lai vẫn tiếp tục diễn ra và có xu hướng gia tăng. Ở nước ta hiện nay, khi mà nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, sức lao động được giải phóng, người nông dân sau những tháng ngày bươn trải với đồng ruộng lại kéo ra các đô thị tìm kiếm việc làm để tăng thu nhập cho gia đình. Đây là một nhu cầu chính đáng. Trên thực tế, đối với người nông dân, việc phải rời xa quê hương là điều bất đắc dĩ. Bởi tâm lý tiểu nông từ bao đời nay vẫn là làm ăn yên ổn nơi quê nhà, nơi có tình làng nghĩa xóm, có bà con thân thuộc. Nhưng làn sóng đổi mới đã tác động mạnh mẽ đến xã hội nông thôn, làm xuất hiện tâm lý làm giàu, muốn vươn lên trong cuộc sống. Nhưng không phải ai cũng có khả năng sản xuất kinh doanh, có vốn để đầu tư vào các ngành nghề phi nông nghiệp khác¹⁷. Thêm vào đó, dân số tăng nhanh, diện tích đất canh tác không tăng, thậm chí còn giảm, thu nhập thấp, đời sống khó khăn, làm xuất hiện tình trạng dư thừa sức lao động ở nông thôn.

¹⁶ Lê Văn Toàn (2001): *Di dân tạm thời nông thôn – đô thị và vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế hộ gia đình người di dân*, Đề tài cấp bộ, mã số XH2B -26, Hà Nội, tr.55.

¹⁷ Nga My (1997): *Di dân nông thôn - đô thị với nhà ở, một số vấn đề xã hội*, Tạp chí Xã hội học, tr. 58.

Người nông dân không còn con đường nào khác là phải tự cứu lấy chính bản thân mình. Việc họ tìm mọi cách để kiếm sống và tìm đến các đô thị kiếm việc làm là một trong những giải pháp tình thế. Họ hy vọng sẽ tìm được việc làm, sẽ tích lũy được đôi chút để gửi về cho gia đình, giúp đỡ gia đình thoát khỏi đói nghèo hoặc mua sắm, chi tiêu cải thiện đời sống. Có tới 92,1% số người được hỏi khẳng định tiếp tục ra đô thị làm việc trong tương lai¹⁸. Bởi đô thị là thị trường lao động đa dạng, có sức hút lớn đối với người lao động và mang lại thu nhập cao cho người di dân.

Trong thời gian tới sẽ có sự phân hoá trong dòng di dân từ nông thôn ra đô thị. Thực tế cho thấy, người di dân không phải ai cũng có cơ hội, khả năng, điều kiện như nhau. Cùng với thời gian, một số người do năng lực hạn chế, gặp nhiều rủi ro không thể xoay chuyển được tình hình, họ an phận khuôn theo cuộc sống hiện tại. Một số người khác do có năng lực, lại gặp cơ may, có thể sẽ phát lên rồi định cư lại đô thị, mở mang sản xuất, kinh doanh và trở thành những ông chủ. Một số người khác tích lũy vốn liếng, kỹ năng, họ trở lại quê hương đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh.

Xu hướng di dân là không thể đảo ngược trước đòi hỏi tái phân bổ lại lao động và phát triển sản xuất giữa nông thôn và đô thị. Vai trò của di dân từ nông thôn ra đô thị đối với sự phát triển kinh tế hộ gia đình ở nông thôn là không thể phủ nhận. Đó là việc giảm bớt lao động dư thừa, giảm bớt sức ép về ruộng đất, đồng thời phát triển và hình thành các loại hình dịch vụ đa dạng, năng động đáp ứng nhu cầu sức lao động của nền kinh tế thị trường. Mặt khác, ngoài việc nâng thu nhập, cải thiện mức sống gia đình, thì việc học hỏi được nghề mới, những kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh còn có vai trò truyền tải các thang giá trị mới về nông thôn. Như vậy, di dân trên thực tế đã thúc đẩy quá trình luân chuyển giữa nông thôn và đô thị tạo ra những nhu cầu và lối sống mới ở làng quê, đồng thời góp phần tăng thu nhập, tạo nền tảng để phát triển kinh tế và thúc đẩy sự nghiệp đổi mới ở nông thôn. Nó được nhiều người dân nông thôn nhìn nhận như là giải pháp hữu hiệu nhất trong việc giải quyết bài toán kinh tế cho gia đình ở nông thôn trong giai đoạn hiện nay.

Ngoài những đóng góp tích cực của người di dân đối với gia đình nói riêng và làng xã nói chung. Di dân từ nông thôn ra đô thị cũng chứa đựng mặt tiêu cực như làm gia tăng tệ nạn xã hội; tình hình an ninh, trật tự xã hội trở nên phức tạp hơn; làm mất mỹ quan đô thị... Quá trình di dân cũng tạo cơ hội cho một số tệ nạn xã hội như nghiện hút, mại dâm, số đề, lối sống không lành mạnh...tràn về nông thôn. Tuy nhiên, di dân là hiện tượng có tính khách quan, tất yếu đối với bất kỳ quốc gia nào đang trong thời kỳ công nghiệp hoá - hiện

¹⁸ Lê Văn Toàn (2001): *Di dân tạm thời nông thôn – đô thị và vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế hộ gia đình người di dân*, Đề tài cấp bộ, mã số XH2B -26, Hà Nội, tr.56

đại hoá. Do đó, chúng ta phải thừa nhận sự tồn tại khách quan của nó và có những chính sách thích hợp tạo điều kiện cần thiết để phát huy những mặt tích cực và hạn chế tác động tiêu cực của nó đến quá trình phát triển xã hội.

Di dân từ nông thôn ra đô thị mang lại những đóng góp tích cực và thiết thực không chỉ cho nơi xuất cư (tạo việc làm cho lực lượng lao động dư thừa, tăng thu nhập, cải thiện và nâng cao mức sống...), mà cả cho nơi nhập cư (cung cấp lao động cho các ngành nghề độc hại, chứa đựng nhiều rủi ro...). Điều đó cho thấy, bất cứ nỗ lực nào nhằm ngăn cản các dòng di dân trong khi chưa tìm được các giải pháp thay thế đều dẫn đến những khó khăn bất cập cho cả người di dân và không di dân. Do vậy, các nhà lãnh đạo, quản lý cần có những chính sách điều tiết để quá trình này diễn ra một cách có trật tự - có sự kiểm soát ở những mức độ nhất định.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Nguyên Anh (2003): *Di dân ở Việt Nam: kiếm tìm lời giải cho phát triển nông thôn*, Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*.
2. Đặng Nguyên Anh (1998): *Vai trò của mạng lưới xã hội trong quá trình di dân*, Tạp chí *Xã hội học*.
3. Đặng Nguyên Anh (1997): *Vai trò của di dân nông thôn - đô thị trong sự phát triển kinh tế nông thôn hiện nay*, Tạp chí *Xã hội học*.
4. Đặng Nguyên Anh (1998): *Di cư và phát triển trong bối cảnh đổi mới kinh tế - xã hội của đất nước*, Tạp chí *Xã hội học*.
5. Đặng Nguyên Anh (2005): *Di dân trong nước: Vận hội và thách thức đối với công cuộc đổi mới và phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Thế giới.
6. Đặng Nguyên Anh (2005): *Chiều cạnh giới của di dân lao động thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Tạp chí *Xã hội học*.
7. Hoàng Văn Chức (2004): *Di dân tự do đến Hà Nội - thực trạng và giải pháp quản lý*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Lê Bạch Dương (1998): *Nhà nước, kinh tế thị trường và di dân ở Việt Nam*, Tạp chí *Xã hội học*.
9. Nghiêm Xuân Đạt, Vũ Trọng Lâm, Nguyễn Quý Nghị (2001): *Di dân tự phát vào Hà Nội - thực trạng và giải pháp*, Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*.
10. Trương Lai (1998): *Về di dân ở Việt Nam trong quá khứ và hiện nay*, Tạp chí *Xã hội học*.
11. Lê Văn Toàn (chủ nhiệm) (2001): *Di dân tạm thời nông thôn - đô thị và vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế hộ gia đình người di dân*, Đề tài cấp bộ, mã số XH2B-26, Hà Nội.
12. Đặng Thu (1994): *Di dân của người Việt từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX*, Hà Nội.